

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 05 THÁNG 5 NĂM 2026

| STT | Khách hàng | Ngày làm TB | Số TB | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện | Loại than | SL làm TB | SL thực rút | SL còn lại | Ngày xong | Mục đích sử dụng | |
|----------|-------------------------------------|-------------|--------|-----------------|---------------------|-----------|----------------|----------------|----------------|-----------|------------------|----------------------------|
| | TỔNG CỘNG | | | | | | 472 140 | 143 941 | 328 199 | | | |
| I | CẢNG CHÍNH | | | | | | 125 157 | 37 527 | 87 630 | | | |
| | <i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i> | | | | | | 23 400 | 23 390 | 10 | | | |
| 1 | KDT MIỀN BẮC | 03/5 | 1188/5 | 13/5 | VTA POSEIDON | CÁM 5A.1 | 12 100 | 12 100 | | 05/5 | PTCB | |
| 2 | KDT MIỀN BẮC | 03/5 | 1188/5 | 13/5 | VTA POSEIDON | CÁM 5B.1 | 9 400 | 9 391 | 9 | 05/5 | PTCB | |
| 3 | KDT MIỀN BẮC | 02/5 | 1171/4 | 12/5 | BN 2992 | CÁM 5A.1 | 1 900 | 1 899 | 1 | 05/5 | PTCB | GIA HẠN L1 |
| | <i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i> | | | | | | 49 680 | 14 137 | 35 543 | | | |
| 1 | ĐIỆN VINH TÂN 2 | 04/5 | 294/5 | | VIỆT THUẬN 235-02 | CÁM 6A.14 | 25 180 | 13 178 | 12 002 | RÓT ĐỔ | HỘ LỚN | |
| 2 | ĐIỆN VINH TÂN 1 | 04/5 | 293/5 | | QUANG VINH DIAMOND | CÁM 6A.1 | 23 000 | | 23 000 | | HỘ LỚN | |
| 3 | VTA | 01/5 | 1138/4 | 07/5 | BN 2308 | CỤC XỔ 1C | 1 500 | 959 | 541 | RÓT ĐỔ | TD | GIA HẠN L1 |
| | <i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i> | | | | | | 52 077 | | 52 077 | | | |
| 1 | ĐIỆN DUYÊN HẢI | 04/5 | 295/5 | | VIỆT THUẬN 30-06 | CÁM 6A.14 | 26 300 | | 26 300 | | HỘ LỚN | |
| 2 | NHÔM LÂM ĐỒNG | 04/5 | 1195/5 | 14/5 | VIỆT THUẬN 095-02 | CÁM 5A.1 | 8 800 | | 8 800 | | BAUXIT | |
| 3 | KDT HẢ BẮC | 02/5 | 1169/4 | 12/5 | BN 2189 | CÁM 5A.1 | 1 400 | | 1 400 | | PTCB | GIA HẠN L1 |
| 4 | KDT BẮC TRUNG BỘ | 03/5 | 1189/5 | 13/5 | MINH HẰNG 882 | CÁM 5A.1 | 4 650 | | 4 650 | | PTCB | |
| 5 | KDT MIỀN BẮC | 04/5 | 1152/4 | 14/5 | NB 8104 | CÁM 5B.1 | 2 360 | | 2 360 | | PTCB | GIA HẠN L1 |
| 6 | XDCN MỎ | 01/5 | 999/4 | 07/5 | HP 6328 | CỤC XỔ 1C | 1 967 | | 1 967 | | TD | GIA HẠN L2 |
| 7 | VTT | 01/5 | 1090/4 | 07/5 | HP 6400 | CỤC XỔ 1C | 1 000 | | 1 000 | | TD | GIA HẠN L1 |
| 8 | CROMIT | 01/5 | 1096/4 | 07/5 | HD 2225 | CỤC XỔ 1C | 1 040 | | 1 040 | | TD | GIA HẠN L1 |
| 9 | V TRACO | 01/5 | 1160/4 | 07/5 | HD 2089 | CỤC XỔ 1C | 1 000 | | 1 000 | | TD | GIA HẠN L1 |
| 10 | VTT | 01/5 | 1181/5 | 07/5 | BN 1368 | CỤC XỔ 1C | 1 030 | | 1 030 | | TD | |
| 11 | ĐTTM&DV | 02/5 | 1185/5 | 09/5 | HP 5097 | CỤC XỔ 1C | 1 030 | | 1 030 | | TD | |
| 12 | SXTM TUB | 05/5 | 1205/5 | 12/5 | HP 6123 | CÁM 4B.1 | 1 500 | | 1 500 | | TD | THAY 1197/5 |
| | <i>Tàu chuyển tải</i> | | | | | | 188 840 | 69 528 | 119 312 | | | |
| | <i>Tàu đã làm hàng</i> | | | | | | | | | | | |
| | <i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i> | | | | | | 98 340 | 69 528 | 28 812 | | | |
| 1 | ĐIỆN VINH TÂN 2 | 24/4 | 277/4 | | PACIFIC 01 | CÁM 6A.14 | 27 690 | 21 750 | 5 940 | RÓT ĐỔ | HỘ LỚN | KDTC: 12.000 - CLM: 15.690 |
| 2 | ĐIỆN VINH TÂN 1 | 28/4 | 282/4 | | HẢI NAM 39 | CÁM 6A.1 | 28 750 | 27 700 | 1 050 | RÓT ĐỔ | HỘ LỚN | TTHG: 23.000 - KVCP: 5.750 |
| 3 | ĐIỆN VINH TÂN 1 | 28/4 | 284/4 | | TRƯỜNG NGUYỄN STAR | CÁM 6A.1 | 23 300 | 20 078 | 3 222 | RÓT ĐỔ | HỘ LỚN | TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300 |
| 4 | ĐIỆN DUYÊN HẢI | 05/5 | 299/5 | | QUANG VINH 188 | CÁM 5B.14 | 18 600 | | 18 600 | | HỘ LỚN | TTHG: 8.600 - KDTC: 10.000 |
| | <i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i> | | | | | | 90 500 | | 90 500 | | | |
| 1 | ĐIỆN VINH TÂN 1 | 04/5 | 298/5 | | TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN | CÁM 6A.1 | 23 300 | | 23 300 | | HỘ LỚN | TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300 |

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 05 THÁNG 5 NĂM 2026

| STT | Khách hàng | Ngày làm TB | Số TB | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện | Loại than | SL làm TB | SL thực rót | SL còn lại | Ngày xong | Mục đích sử dụng | |
|------------|-----------------------------------|-------------|--------|-----------------|-------------------|----------------|---------------|--------------|---------------|-----------|------------------|--|
| 2 | ĐIỆN VĨNH TÂN 2 | 04/5 | 296/5 | | VIỆT THUẬN STAR | CÁM 6A.14 | 41 000 | | 41 000 | | HỘ LỚN | TTCO: 16.000 - CLM: 15.000 - KDTCP: 10.000 |
| 3 | ĐIỆN VŨNG ÁNG | 04/5 | 297/5 | | TRƯỜNG NGUYỄN SKY | CÁM 5A.14 | 26 200 | | 26 200 | | HỘ LỚN | KDTCP: 12.000 - CLM: 14.200 |
| II | <u>KHO G9-HÓA CHẤT</u> | | | | | | 31 426 | 5 321 | 26 105 | | | |
| | <i>Tàu đã làm hàng</i> | | | | | | <i>4 200</i> | <i>4 155</i> | <i>45</i> | | | |
| 1 | MV GLEAMSTAR | 29/4 | 2 109 | | CỬA ÔNG 15 | TNK MOZAMBIQUE | 2 100 | 2 077 | 23 | 05/5 | | |
| 2 | MV BARDONNEX | 02/5 | 2 154 | | CỬA ÔNG 05 | TNK ÚC | 2 100 | 2 077 | 23 | 05/5 | | |
| | <i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i> | | | | | | <i>4 110</i> | <i>1 166</i> | <i>2 944</i> | | | |
| 1 | XNK THAN | 01/5 | 944/04 | 07/5 | BN 1135 | CỤC 1B | 910 | 159 | 751 | RÓT ĐỔ | TD | NGUỒN ĐN-CS |
| 2 | DVVT QN | 05/5 | 1202/5 | 12/5 | BN 1816 | CỤC 1B | 1 100 | | 1 100 | | TD | NGUỒN TN |
| 3 | MV GLEAMSTAR | 28/4 | 2 080 | | CỬA ÔNG 10 | TNK MOZAMBIQUE | 2 100 | 1 007 | 1 093 | BỐC ĐỔ | | |
| | <i>Tàu đã làm lệnh</i> | | | | | | <i>23 116</i> | | <i>23 116</i> | | | |
| 1 | THAN MIỀN TRUNG | 01/5 | 1019/4 | 07/5 | TRUNG KIẾN 01 | CỤC 1A | 1 000 | | 1 000 | | TD | NGUỒN ĐN-CS |
| 2 | ĐTTM&DV | 01/5 | 1020/4 | 07/5 | BN 0869 | CỤC 1B | 1 100 | | 1 100 | | TD | NGUỒN ĐN-CS |
| 3 | ĐT TM &DV | 01/5 | 1060/4 | 07/5 | BN 2335 | CỤC 1A | 1 300 | | 1 300 | | TD | NGUỒN ĐN-CS |
| 4 | VT QUẢNG NINH | 01/5 | 945/04 | 07/5 | BN 0718 | CỤC 1B | 1 100 | | 1 100 | | TD | NGUỒN ĐN-CS |
| 5 | ĐT TM &DV | 01/5 | 946/04 | 07/5 | BN 1386 | CỤC 1B | 1 166 | | 1 166 | | TD | NGUỒN ĐN-CS |
| 6 | VTT | 03/5 | 962/04 | 10/5 | NGÃN SƠN 39 | CỤC 1B | 2 050 | | 2 050 | | TD | NGUỒN ĐN-CS |
| 7 | DVVT QN | 02/5 | 1030/4 | 09/5 | BN 1718 | CỤC 1C | 1 100 | | 1 100 | | TD | NGUỒN TTCO |
| 8 | THAN MIỀN NAM | 02/5 | 1073/4 | 09/5 | THANH TÙNG 01 | CỤC 1B | 1 200 | | 1 200 | | TD | NGUỒN ĐN-CS |
| 9 | COALIMEX | 03/5 | 1078/4 | 10/5 | BN 2519 | CỤC 1B | 1 000 | | 1 000 | | TD | NGUỒN ĐN-CS |
| 10 | DVVT QN | 01/5 | 1132/4 | 07/5 | BN 0937 | CỤC 1B | 1 000 | | 1 000 | | TD | NGUỒN ĐN-CS |
| 11 | ĐTTM&DV | 01/5 | 1161/4 | 07/5 | BN 0766 | CỤC 1B | 950 | | 950 | | TD | NGUỒN CS |
| 12 | KDT HẢI PHÒNG | 05/5 | 1172/4 | 12/5 | BN 1468 | CỤC 1C | 1 000 | | 1 000 | | TD | NGUỒN MD |
| 13 | SXTM TUB | 01/5 | 1176/4 | 07/5 | BN 1883 | CỤC 1B | 1 300 | | 1 300 | | TD | NGUỒN ĐN-CS |
| 14 | CROMIT | 02/5 | 1177/4 | 09/5 | NB 8530 | CỤC 1A | 1 000 | | 1 000 | | TD | NGUỒN ĐN-CS |
| 15 | XDCN MỎ | 02/5 | 1179/4 | 09/5 | BN 0719 | CỤC 1B | 1 000 | | 1 000 | | TD | NGUỒN ĐN-CS |
| 16 | KDT BẮC TRUNG BỘ | 02/5 | 1144/4 | 09/5 | NB 2952 | CỤC 1A | 950 | | 950 | | TD | NGUỒN ĐN-CS |
| 17 | ĐTTM&DV | 05/5 | 1199/4 | 12/5 | BN 1336 | ĐON 8C | 1 020 | | 1 020 | | TD | NGUỒN HL |
| 18 | MV BARDONNEX | 05/5 | 2 218 | | CẨM PHẢ 22 | TNK ÚC | 3 880 | | 3 880 | | | |
| III | <u>KHO BẢO NGUYÊN</u> | | | | | | 6 340 | 4 718 | 1 622 | | | |
| | <i>Tàu đã làm hàng</i> | | | | | | <i>4 720</i> | <i>4 718</i> | <i>2</i> | | | |
| 1 | ĐIỆN PHẢ LẠI | 01/5 | 289/5 | 11/5 | HN 2269 | CÁM 5B.10 | 4 720 | 4 718 | 2 | 05/5 | HỘ LỚN | |

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 05 THÁNG 5 NĂM 2026

| STT | Khách hàng | Ngày làm TB | Số TB | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện | Loại than | SL làm TB | SL thực rút | SL còn lại | Ngày xong | Mục đích sử dụng | |
|-----------|-----------------------------------|-------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|-----------|---------------|---------------|---------------|-----------|------------------|-----------------------------|
| | <i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i> | | | | | | | | | | | |
| | <i>Tàu đã làm lệnh</i> | | | | | | | | | | | |
| 1 | ĐIỆN PHẢ LẠI | 01/5 | 290/5 | 11/5 | QN 4080 | CÁM 5A.10 | 1 620 | | 1 620 | | HỘ LỚN | |
| IV | KHO CẢNG KM6 | | | | | | 13 377 | 5 947 | 7 430 | | | |
| | <i>Tàu đã làm hàng</i> | | | | | | | | | | | |
| 1 | CROMIT | 04/5 | 1 196 | 14/5 | AN LỘC 18 | CÁM 6A.1 | 3 680 | 3 672 | 8 | 05/5 | PTCB | |
| 2 | DVVT QN | 04/5 | 1 198 | 11/5 | BN 2556 | BÚN 3C | 1 687 | 1 681 | 6 | 05/5 | TD | NGUỒN QH |
| | <i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i> | | | | | | | | | | | |
| 1 | KDT MIỀN BẮC | 05/5 | 1 206 | 12/5 | NB 8104 | CÁM 5B.1 | 2 360 | 594 | 1 766 | | PTCB | |
| 2 | KDT MIỀN BẮC | 05/5 | 1 208 | 12/5 | NB 8177 | CÁM 5A.1 | 2 350 | | 2 350 | | PTCB | |
| 3 | SÔNG HỒNG | 04/5 | 1 159 | 11/5 | BN 1826 | CUC 1B | 1 100 | | 1 100 | | TD | NGUỒN QH |
| 4 | VTT | 05/5 | 1 204 | 12/5 | BN 2625 | DON 8A | 900 | | 900 | | TD | NGUỒN QH |
| 5 | ĐTTM&DV | 05/5 | 1 207 | 12/5 | BN 1829 | DON 6B | 1 300 | | 1 300 | | TD | NGUỒN QH |
| | <i>Tàu đã làm lệnh</i> | | | | | | | | | | | |
| V | TÀU XUẤT KHẨU | | | | | | 33 000 | - | 33 000 | | | |
| | <i>Tàu đã làm hàng</i> | | | | | | | | | | | |
| | <i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i> | | | | | | | | | | | |
| | <i>Tàu đã làm lệnh</i> | | | | | | | | | | | |
| 1 | SINGAPORE | 05/5 | 37/5/XK | | MV HUA ZHENG HAI YANG | CUC 5B.2 | 25 000 | | 25 000 | | | |
| 2 | CAMPUCHIA | 05/5 | 38/5/XK | | MV BINH NGUYEN 289 | CUC 2A.4 | 3 000 | | 3 000 | | | |
| 3 | HÀN QUỐC | 05/5 | 39/5/XK | | MV AKIMOTO | CUC 4A.3 | 5 000 | | 5 000 | | | |
| VI | TÀU NHẬP KHẨU | | ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH | | | | 74 000 | 20 900 | 53 100 | | | |
| | <i>Tàu đã làm hàng</i> | | | | | | | | | | | |
| | <i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i> | | | | | | | | | | | |
| 1 | ÚC | | CLM | | MV BARDONNEX | | 34 000 | 12 700 | 21 300 | BỐC DỖ | | TTCO: 24.000 - KVCP: 10.000 |
| 2 | ÚC | | CLM | | MV GENEVA QUEEN | | 15 000 | 8 200 | 6 800 | BỐC DỖ | | TTCO: 15.000 |
| 3 | MOZAMBIQUE | | CLM | | MV MSXT HELEN | | 15 000 | | 15 000 | | | TTCO: 15.000 |
| 4 | LÀO | | CLM | | VTA OCEANUS | | 10 000 | | 10 000 | | | TTCO: 5.000 - KVCP: 5.000 |
| | <i>Tàu đã làm lệnh</i> | | | | | | | | | | | |